

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>14 - 46</b>
<b>8. Phụ lục 1 – Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>	<b>47</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Sông Đà 3 thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 2372/QĐ – BXD ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189364 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 9 ngày 09 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 3715390
- Fax : (0269) 3715389

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 3.06	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.02	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 3.07	Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại Hà Nội	Số 18/165 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Ban Điều hành thủy điện Pleikrong	Sa Bình, Huyện Sa Thầy, Tỉnh Kon Tum

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ cơ giới và công nghệ xây dựng đầu tư, xây dựng và khai thác các nhà máy phong điện vừa và nhỏ;
- Xây xát đá, nghiền đá và cát tạo dánh đá xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công nghiệp, thủy lợi, bưu điện, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư tài chính;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình đường bộ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Ninh Duy Phóng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Kim Thành Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019
Ông Vũ Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Bình Đông	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thự	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Năm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2019

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Phạm Duy Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Trần Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

### Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Xuân Toán	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019
Ông Bùi Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2019
Ông Đặng Bá Điền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2016
Ông Phí Đình Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2013
Ông Lê Viết Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2019

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Dũng – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



\_\_\_\_\_  
**Vũ Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 3 năm 2020



Số: 3.0104/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



### Các vấn đề cần nhấn mạnh


Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Cổ phần Sông Đà 3 có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 200.767.658.292 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục bị đình trệ do thiếu vốn hoạt động. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty (xem thuyết minh số VI.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất).
- Đến ngày phát hành Báo cáo này, một phần doanh thu dự án Thủy điện Đồng Nai 5 đã ghi nhận các năm trước có thể không được chủ đầu tư phê duyệt khi quyết toán với số tiền khoảng 41 tỷ đồng do Kiểm toán Nhà Nước kiến nghị chưa đủ điều kiện thanh, quyết toán (xem thuyết minh số VI.8 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất).

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Nha Trang**



**Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0979-2018-008-1



**Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 23 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>676.773.801.617</b>	<b>680.866.892.058</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.427.932.371</b>	<b>3.466.946.178</b>
1. Tiền	111		4.427.932.371	3.466.946.178
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>392.008.078.556</b>	<b>406.794.947.845</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	336.762.281.607	357.316.284.422
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.750.276.644	18.397.036.511
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	-	1.265.860.531
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	54.247.790.824	46.421.310.110
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.752.270.519)	(16.908.296.570)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	-	302.752.841
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>275.280.361.989</b>	<b>265.573.388.108</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	275.280.361.989	265.573.388.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.057.428.701</b>	<b>5.031.609.927</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	331.945.163	255.409.066
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.085.540.224	4.136.257.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	639.943.314	639.943.314
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>703.970.247.831</b>	<b>730.173.100.957</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>780.000.000</b>	<b>780.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	780.000.000	780.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>627.859.618.773</b>	<b>658.430.746.875</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	627.596.531.266	658.086.709.372
- Nguyên giá	222		898.489.134.146	912.705.073.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.892.602.880)	(254.618.363.903)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	263.087.507	344.037.503
- Nguyên giá	228		404.750.000	404.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141.662.493)	(60.712.497)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.906.718.916</b>	<b>44.582.902.802</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	46.906.718.916	44.582.902.802
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.900.000.000</b>	<b>5.900.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	4.900.000.000	5.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>23.523.910.142</b>	<b>20.479.451.280</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	22.998.728.787	19.929.682.494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	525.181.355	549.768.786
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.380.744.049.448</b>	<b>1.411.039.993.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.264.624.049.355</b>	<b>1.279.295.382.622</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>894.623.330.552</b>	<b>889.294.663.819</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	200.024.749.916	203.849.458.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	4.885.522.382	1.226.122.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	6.212.160.889	6.764.936.674
4. Phải trả người lao động	314	V.18	3.987.840.663	5.676.508.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	115.515.411.022	87.082.892.628
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	39.254.595.768	40.954.228.031
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	523.208.019.636	540.207.019.636
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.535.030.276	3.533.498.458
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>370.000.718.803</b>	<b>390.000.718.803</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	370.000.718.803	390.000.718.803
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>116.120.000.093</b>	<b>131.744.610.393</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>116.120.000.093</b>	<b>131.744.610.393</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	159.993.560.000	159.993.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	23.233.250.510	23.233.250.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	(170.039.877.266)	(154.578.857.492)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(154.578.857.492)	(154.578.857.492)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(15.461.019.774)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	2.903.567.249	3.067.157.775
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.380.744.049.448</b>	<b>1.411.039.993.015</b>

Phạm Hồng Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hình  
Kế toán trưởng



Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Vũ Dũng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	172.113.682.419	203.943.015.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.113.682.419	203.943.015.691
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	93.155.390.068	112.009.783.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.958.292.351	91.933.232.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	755.233.421	201.049.339
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.733.044.058	83.175.471.873
Trong đó: chi phí lãi vay	23		71.733.044.058	83.175.471.873
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.451.633.812	20.880.464.346
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.471.152.098)	(11.921.654.445)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.721.428.858	467.272.728
13. Chi phí khác	32	VI.7	2.479.861.907	1.518.733.516
14. Lợi nhuận khác	40		(758.433.049)	(1.051.460.788)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.229.585.147)	(12.973.115.233)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	24.587.431	24.587.431
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.254.172.578)	(12.997.702.664)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(15.461.019.774)	(13.369.689.700)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		206.847.196	371.987.036
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(966)	(836)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(966)	(836)

Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2020


Phạm Hồng Trung  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hình  
Kế toán trưởngVũ Dũng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.229.585.147)	(12.973.115.233)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11	34.231.715.352	39.751.209.447
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(156.026.051)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(336.932.480)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(2.139.723.199)	(201.025.680)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	71.733.044.058	83.175.471.873
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		88.102.492.533	109.752.540.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.996.327.681	7.527.080.552
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.706.973.881)	32.316.322.541
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.982.254.414)	(52.188.516.782)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.145.582.390)	(9.139.891.696)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42.985.557.600)	(63.081.515.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(64.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.998.468.182)	(1.183.108.006)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>38.279.983.747</b>	<b>23.938.911.099</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.916.641.356)	(14.717.797.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.181.020.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.050.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	365.584.023	201.025.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(320.036.424)</b>	<b>(14.516.771.815)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	5.000.000.000	10.000.000.000		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(41.999.000.000)	(35.223.868.057)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>V.1</b>	<b>(36.999.000.000)</b>	<b>(25.223.868.057)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>960.947.323</b>	<b>(15.801.728.773)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.466.946.178</b>	<b>19.268.674.951</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		38.870	-		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.427.932.371</b>	<b>3.466.946.178</b>		



Phạm Hồng Trung  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình  
Kế toán trưởng



Vũ Dũng  
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2020



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là: Xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh điện thương phẩm ...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tổng công ty

Tổng công ty bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Tái cấu trúc Tổng công ty

Trong năm, Tổng công ty phát sinh việc mua thêm công ty con là Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem thông qua Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô.

#### 5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà 3 - Đak Lô	Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	98,97%	98,97%	98,97%	98,97%
Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem	Thôn Măng Đen – Xã Đăk Long – huyện Kon Plông – tỉnh Kon Tum	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	98,97%	0%	98,97%	0%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **3. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



### **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

#### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ: khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Pleikrong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa lớn tàu kéo và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Chi phí công cụ dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền***

Chi phí vận chuyển, lắp đặt trạm nghiền được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị***

Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### ***Chi phí khác***

Chi phí khác bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa nhỏ phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 07

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu bán điện thương phẩm***

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Trung xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng ghi nhận doanh thu được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### 23. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.



### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.674.004.857	3.107.395.678
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.753.927.514	359.550.500
<b>Cộng</b>	<b><u>4.427.932.371</u></b>	<b><u>3.466.946.178</u></b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>232.257.516.652</i>	<i>254.210.030.693</i>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	7.001.181.892	7.002.632.956
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	169.772.034.047	199.595.732.857
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mán I	47.103.232.821	37.819.086.185
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	2.986.947.598	2.986.947.598
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	396.002.690	646.002.690
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.314.302.285	1.314.302.285
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)	807.428.165	1.313.796.165
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.599.044.445	1.599.044.445
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	279.058.654	279.058.654
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	152.310.091	807.452.894
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty CP Sông Đà 9	496.196.964	496.196.964
Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty CP Sông Đà 9	349.777.000	349.777.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>104.504.764.955</i>	<i>103.106.253.729</i>
Các khách hàng khác	104.504.764.955	103.106.253.729
<b>Cộng</b>	<b><u>336.762.281.607</u></b>	<b><u>357.316.284.422</u></b>

### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xi măng phụ gia Phước Hòa	3.903.317.507	3.903.317.507
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Dũng	3.300.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đăng Sơn	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả người bán khác	10.546.959.137	9.193.719.004
<b>Cộng</b>	<b><u>17.750.276.644</u></b>	<b><u>18.397.036.511</u></b>

#### 4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

Số dư đầu năm là khoản phải thu Ban điều hành thủy điện Pleikrong nhận bàn giao từ Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

#### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.980.845.946</b>	-	<b>2.399.645.946</b>	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	2.399.645.946	-	2.399.645.946	-
Ông Lưu Văn Vinh - Tạm ứng	581.200.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>51.266.944.878</b>	<b>(4.281.144.075)</b>	<b>44.021.664.164</b>	<b>(4.437.170.126)</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sông Đà An Nhân	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ Tạm ứng	128.875.000	-	128.875.000	-
Chi nhánh Sông Đà 505	11.705.161.635	(348.435.452)	12.485.155.053	(504.461.503)
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.104.358.182	-	1.104.358.182	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	156.723.556	-	154.008.538	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.121.826.505	(3.932.708.623)	17.099.267.391	(3.932.708.623)
<b>Cộng</b>	<b><u>54.247.790.824</u></b>	<b><u>(4.281.144.075)</u></b>	<b><u>46.421.310.110</u></b>	<b><u>(4.437.170.126)</u></b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<b>1.599.044.445</b>	-	<b>1.599.044.445</b>	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	1.599.044.445	-	trên 3 năm	1.599.044.445
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>15.153.226.074</b>	-	<b>15.309.252.125</b>	-
Phải thu tiền bán hàng	trên 3 năm	3.305.078.081	-	trên 3 năm	3.305.078.081
Các khoản phải thu khác	trên 3 năm	3.932.708.623	-	trên 3 năm	3.932.708.623
Tạm ứng	trên 3 năm	348.435.452	-	trên 3 năm	504.461.503
Trả trước người bán	trên 3 năm	7.567.003.918	-	trên 3 năm	7.567.003.918
<b>Cộng</b>		<b>16.752.270.519</b>	-	<b>16.908.296.570</b>	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.908.296.570	16.908.296.570
Hoàn nhập dự phòng	(156.026.051)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.752.270.519</b>	<b>16.908.296.570</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Số dư đầu năm là tiền mặt bị mất trộm.

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	67.720.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.759.817.373	-	6.774.142.337	-
Công cụ, dụng cụ	745.853.604	-	848.074.443	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	267.706.971.012	-	257.865.788.476	-
Thành phẩm	-	-	85.382.852	-
<b>Cộng</b>	<b>275.280.361.989</b>	-	<b>265.573.388.108</b>	-

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	215.881.827	84.285.179
Chi phí sửa nhà văn phòng	72.097.880	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.965.456	171.123.887
<b>Cộng</b>	<b>331.945.163</b>	<b>255.409.066</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	4.455.997.983	2.857.720.704
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, sửa chữa trạm nghiên và sửa chữa tài sản cố định khác	17.126.068.943	16.709.640.397
Chi phí thuê đất dài hạn	759.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	657.661.861	362.321.393
<b>Cộng</b>	<b><u>22.998.728.787</u></b>	<b><u>19.929.682.494</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	448.947.964.749	410.436.199.119	51.391.977.317	1.378.659.363	550.272.727	912.705.073.275
Mua trong năm	-	2.253.873.665	-	125.000.000	40.000.000	2.418.873.665
Điều chỉnh tăng theo Biên bản quyết toán	-	1.701.310.336	-	-	-	1.701.310.336
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.819.326.280)	(10.485.296.850)	(31.500.000)	-	(18.336.123.130)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>448.947.964.749</u></b>	<b><u>406.572.056.840</u></b>	<b><u>40.906.680.467</u></b>	<b><u>1.472.159.363</u></b>	<b><u>590.272.727</u></b>	<b><u>898.489.134.146</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	77.064.165.305	30.820.380.466	809.477.545	550.272.727	109.244.296.043
Chờ thanh lý	-	9.540.278.069	2.423.175.596	96.000.000	-	12.059.453.665
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	52.782.882.284	152.264.794.742	47.946.956.887	1.073.457.263	550.272.727	254.618.363.903
Khấu hao trong năm	15.876.516.699	16.770.223.546	1.246.785.596	254.928.403	2.311.112	34.150.765.356
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.359.729.529)	(10.485.296.850)	(31.500.000)	-	(17.876.526.379)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>68.659.398.983</u></b>	<b><u>161.675.288.759</u></b>	<b><u>38.708.445.633</u></b>	<b><u>1.296.885.666</u></b>	<b><u>552.583.839</u></b>	<b><u>270.892.602.880</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	396.165.082.465	258.171.404.377	3.445.020.430	305.202.100	-	658.086.709.372
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>380.288.565.766</u></b>	<b><u>244.896.768.081</u></b>	<b><u>2.198.234.834</u></b>	<b><u>175.273.697</u></b>	<b><u>37.688.888</u></b>	<b><u>627.596.531.266</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính là 604.525.345.722 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	404.750.000	60.712.497	344.037.503
Khấu hao trong năm		80.949.996	
Số cuối năm	<b>404.750.000</b>	<b>141.662.493</b>	<b>263.087.507</b>

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>44.582.902.802</b>	<b>3.529.816.114</b>	<b>(1.206.000.000)</b>	<b>46.906.718.916</b>
- Công trình nhà máy thủy điện Đak Lô	44.514.695.674	1.907.048.423	(1.206.000.000)	45.215.744.097
• Chi phí quản lý dự án chờ phê duyệt quyết toán	20.596.352.909	-	-	20.596.352.909
• Công trình hồ B	9.609.385.116	1.105.636.605	-	10.715.021.721
• Xử lý đoạn tuyến ống M1 - M2	6.240.793.544	-	-	6.240.793.544
• Khu nhà làm việc và nhà ở CBCNV	6.284.942.442	-	-	6.284.942.442
• Chi phí khác	1.783.221.663	801.411.818	(1.206.000.000)	1.378.633.481
- Công trình nhà máy thủy điện Ngọc Tem	-	1.622.767.691	-	1.622.767.691
- Công trình khác	68.207.128	-	-	68.207.128
<b>Cộng</b>	<b>44.582.902.802</b>	<b>3.529.816.114</b>	<b>(1.206.000.000)</b>	<b>46.906.718.916</b>

#### 13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	950.000.000	-	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Sor 3	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện ĐăkPsi	-	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.900.000.000</b>	<b>-</b>

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi nội bộ chưa thực hiện trong Tổng công ty. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	549.768.786	574.356.217
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(24.587.431)	(24.587.431)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>525.181.355</u></b>	<b><u>549.768.786</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**14b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận**

Tổng công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế tại Công ty Cổ phần Sông Đà 3 với số tiền là 118.642.639.630 VND, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Năm 2017	44.890.199.406
Năm 2018	40.428.248.839
Năm 2019	33.324.191.385
<b>Cộng</b>	<b><u>118.642.639.630</u></b>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**15. Phải trả người bán ngắn hạn****15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>23.036.498.133</u></b>	<b><u>23.691.640.936</u></b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	3.779.933.763	3.779.933.763
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	15.460.424.055
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	655.142.803
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b><u>176.988.251.783</u></b>	<b><u>180.157.817.102</u></b>
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	16.752.539.500	16.752.539.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt Ý tại Đà Nẵng	16.541.232.727	16.541.232.727
Công ty Cổ phần xây lắp điện Đức Bảo Kon Tum	18.752.033.942	18.752.033.942
Công ty Cổ phần Hương Trầm	12.057.342.179	12.057.342.179
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Tùng Châu	8.228.701.600	8.228.701.600
Các khoản phải trả người bán khác	104.656.401.835	107.825.967.154
<b>Cộng</b>	<b><u>200.024.749.916</u></b>	<b><u>203.849.458.038</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>	<b>19.256.564.370</b>	<b>19.911.707.173</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 2.08	3.761.016.957	3.761.016.957
Chi nhánh Sông Đà 6.02 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	32.898.197	32.898.197
Chi nhánh Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	15.460.424.055	15.460.424.055
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	655.142.803
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.225.161	2.225.161
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<b>160.041.811.703</b>	<b>152.370.390.834</b>
Các nhà cung cấp khác	160.041.811.703	152.370.390.834
<b>Cộng</b>	<b><u>179.298.376.073</u></b>	<b><u>172.282.098.007</u></b>

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>85.000.000</b>	<b>85.000.000</b>
Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	85.000.000	85.000.000
<i>Trả trước của khách hàng khác</i>	<b>4.800.522.382</b>	<b>1.141.122.160</b>
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Dương	3.191.526.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	377.861.000	377.861.000
Các khách hàng khác	1.231.135.382	763.261.160
<b>Cộng</b>	<b><u>4.885.522.382</u></b>	<b><u>1.226.122.160</u></b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.778.458.911	626.089.623	11.025.636.299	(9.747.746.180)	3.056.349.030	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.900	-	-	-	99.900	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.806.268.024	-	391.081.554	(376.960.848)	1.820.388.730	-
Thuế tài nguyên	2.670.260.991	-	7.822.965.007	(9.408.320.108)	1.084.905.890	-
Tiền thuê đất	-	-	759.774.000	(759.774.000)	-	-
Tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	9.295.200	(9.295.200)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	101.251.795	(101.251.795)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	346.148.668	-	1.038.445.996	(1.297.877.505)	86.717.159	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.700.180	13.853.691	29.694.179	(29.694.179)	163.700.180	13.853.691
<b>Cộng</b>	<b><u>6.764.936.674</u></b>	<b><u>639.943.314</u></b>	<b><u>21.191.144.030</u></b>	<b><u>(21.743.919.815)</u></b>	<b><u>6.212.160.889</u></b>	<b><u>639.943.314</u></b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Các công ty trong Tổng công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô: theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2019 là năm thứ 4 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ 4 được miễn thuế.
- Tại Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem: theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Công ty TNHH Thủy điện Ngọc Tem chưa sử dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### ***Thuế tài nguyên***

Tổng công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

#### ***Tiền thuê đất***

Tổng công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng như sau:

- Diện tích đất 322,5 m<sup>2</sup> tại thôn Măng Đen, xã Đăk Long, Huyện Kon Plong, với mức 1.200 VND/m<sup>2</sup>. Đối với diện tích đất 513.906,15 m<sup>2</sup> đang được miễn tiền thuê đất.
- Tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê với diện tích 2.085 m<sup>2</sup> tại lô số C58 Khu quy hoạch cụm công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, thời gian thuê 50 năm.

#### ***Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp***

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### ***Phí dịch vụ môi trường rừng***

Tổng công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kwh.

#### ***Các loại thuế khác***

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

### **18. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	96.531.344.214	67.783.857.756
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	17.045.620.505	17.360.588.569
Các khoản chi phí trích trước khác	1.938.446.303	1.938.446.303
<b>Cộng</b>	<b><u>115.515.411.022</u></b>	<b><u>87.082.892.628</u></b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	<b>2.800.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	2.800.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>39.254.595.768</b>	<b>38.154.228.031</b>
Kinh phí công đoàn	995.067.281	1.066.054.179
Bảo hiểm xã hội	1.993.359.926	2.378.203.120
Bảo hiểm y tế	31.343.390	2.134.186.058
Bảo hiểm thất nghiệp	13.930.382	1.217.923.181
Quỹ bảo vệ môi trường rừng	418.963.464	1.496.114.460
Cổ tức phải trả	8.502.314.124	8.131.876.402
Ông Bùi Văn Bình - Tiền mượn	2.000.000.000	-
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	5.720.897.623	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	5.392.423.947	5.196.251.348
Phải trả các đội về lương	8.824.953.618	7.772.743.179
Phải trả tiền chuyển nhượng vốn góp	1.445.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.916.342.013	3.706.675.297
<b>Cộng</b>	<b><u>39.254.595.768</u></b>	<b><u>40.954.228.031</u></b>

**20b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	5.720.897.623	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.938.253.870	1.938.253.870
Phải trả các đội về lương	8.824.953.618	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.705.075	31.705.075
<b>Cộng</b>	<b><u>24.647.686.588</u></b>	<b><u>22.928.779.333</u></b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	485.029.942.908	-	502.028.942.908	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai <sup>(i)</sup>	485.029.942.908	-	497.028.942.908	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay ngắn hạn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh <sup>(ii)</sup>	2.600.000.000	-	2.600.000.000	2.600.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	35.578.076.728	20.000.000.000	35.578.076.728	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai <sup>(iii)</sup>	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (xem thuyết minh số V.21b)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>523.208.019.636</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>540.207.019.636</b>	<b>25.000.000.000</b>

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTDHM năm 2017 thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.
- (ii) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CT-SĐ3 ngày 16/3/2017. Số tiền vay là 2.600.000.000 VND. Mục đích vay là để giải quyết vấn đề tiền lương, tiền ăn cho công nhân đang thi công trên các công trường do Công ty đang gặp khó khăn về tiền vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận 02 bên, Công ty cam kết trả lại khoản vay cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh trong thời gian sớm nhất có thể sau khi giải quyết được vấn đề khó khăn về vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 0%.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTD ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng.
  - Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTD ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án “Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014”.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	502.028.942.908	2.600.000.000	35.578.076.728	540.207.019.636
Số tiền vay trong năm	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(21.999.000.000)	-	(20.000.000.000)	(41.999.000.000)
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>485.029.942.908</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>35.578.076.728</b>	<b>523.208.019.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****21b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum <sup>(iv)</sup>	370.000.718.803	390.000.718.803
<b>Cộng</b>	<b><u>370.000.718.803</u></b>	<b><u>390.000.718.803</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum để đầu tư dự án Thủy điện Đak Lô với lãi suất 10,54%/năm, thời hạn vay 16 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 5 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đak Lô (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	35.578.076.728	35.578.076.728
Trên 1 năm đến 5 năm	197.000.000.000	164.000.000.000
Trên 5 năm	173.000.718.803	226.000.718.803
<b>Cộng</b>	<b><u>405.578.795.531</u></b>	<b><u>425.578.795.531</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	390.000.718.803
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(20.000.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>370.000.718.803</u></b>

**21c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>599.739.363.850</i>	<i>579.391.749.814</i>
Vay ngân hàng	597.139.363.850	576.791.749.814
Gốc	500.608.019.636	512.607.019.636
Lãi	96.531.344.214	64.184.730.178
Vay tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000
Gốc	2.600.000.000	2.600.000.000
Lãi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>599.739.363.850</u></b>	<b><u>579.391.749.814</u></b>

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.533.498.458	1.599.113.041
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	3.117.493.423
Chi quỹ	(1.998.468.182)	(1.183.108.006)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.535.030.276</u></b>	<b><u>3.533.498.458</u></b>

### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 23. Vốn chủ sở hữu

##### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(138.443.763.709)	2.727.260.079	147.539.806.480
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(13.369.689.700)	371.987.036	(12.997.702.664)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(3.085.405.611)	(32.087.812)	(3.117.493.423)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(514.640.000)	(514.640.000)
Góp vốn điều lệ trong năm	-	-	-	-	514.640.000	514.640.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	320.000.000	-	320.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>159.993.560.000</b>	<b>100.029.499.600</b>	<b>23.233.250.510</b>	<b>1.528</b> <b>(154.578.857.492)</b>	<b>(1.528)</b> <b>3.067.157.775</b>	<b>-</b> <b>131.744.610.393</b>
Số dư đầu năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(154.578.857.492)	3.067.157.775	131.744.610.393
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(15.461.019.774)	206.847.196	(15.254.172.578)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(370.437.722)	(370.437.722)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>159.993.560.000</b>	<b>100.029.499.600</b>	<b>23.233.250.510</b>	<b>(170.039.877.266)</b>	<b>2.903.567.249</b>	<b>116.120.000.093</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
<b>Cộng</b>	<b><u>159.993.560.000</u></b>	<b><u>159.993.560.000</u></b>

**23c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	54.025.865.597	56.357.156.938
Doanh thu điện thương phẩm	114.397.590.586	121.855.729.654
Doanh thu khác	3.690.226.236	25.730.129.099
<b>Cộng</b>	<b><u>172.113.682.419</u></b>	<b><u>203.943.015.691</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.834.022.704	16.014.542.734
<b>Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.936.878.413	568.136.034
<b>Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	15.537.410.128
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)</b>		
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	77.000.000	806.354.839
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.09</b>		
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	384.093.387	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6</b>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	525.086.159
<b>Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	403.363.636
<b>Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	-	766.815.540
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	-	426.064.090
<b>Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	317.979.091
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	45.627.588.655	61.546.438.073
Giá vốn điện thương phẩm	46.086.369.537	37.178.873.063
Giá vốn khác	1.441.431.876	13.284.472.120
<b>Cộng</b>	<b><u>93.155.390.068</u></b>	<b><u>112.009.783.256</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	368.300.941	201.025.680
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	50.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	23.659
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	336.932.480	-
<b>Cộng</b>	<b><u>755.233.421</u></b>	<b><u>201.049.339</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm		
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.620.435.736	11.347.166.728
Chi phí vật liệu, bao bì	1.455.856.176	1.392.693.597
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	404.014.938	1.020.229.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.431.913.649	1.516.571.288
Thuế, phí và lệ phí	141.488.147	113.663.103
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(156.026.051)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.901.697.689	2.540.028.941
Các chi phí khác	3.652.253.528	2.950.111.238
<b>Cộng</b>	<b><u>22.451.633.812</u></b>	<b><u>20.880.464.346</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.721.424.158	-
Thu nhập từ bán phế liệu	-	367.272.728
Thu nhập khác	4.700	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.721.428.858</u></b>	<b><u>467.272.728</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.242.938.691	1.335.632.470
Thuế GTGT không được khấu trừ	813.639.162	-
Xử lý tiền bị mất trộm	289.252.841	-
Tiền bảo hiểm chậm nộp	38.269.682	-
Chi phí khác	95.761.531	183.101.046
<b>Cộng</b>	<b><u>2.479.861.907</u></b>	<b><u>1.518.733.516</u></b>

#### 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.

#### 9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(15.461.019.774)	(13.369.689.699)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.461.019.774)	(13.369.689.699)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang-lưu hành trong năm	15.999.356	15.999.356
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(966)</u></b>	<b><u>(836)</u></b>

##### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay là 1.189.341.162 VND (trong năm trước là 1.237.536.523 VND)

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### **Bên liên quan khác**

##### **Mối quan hệ**

Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Văn phòng Đại diện Tổng Công ty - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Sông Đà – CTCP</b>		
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	1.319.149	524.409.109
Bù trừ công nợ	1.451.064	5.523.893.785
<b>Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1</b>		
Chi phí trích nộp ban điều hành, phí bảo lãnh hợp đồng	537.159.529	181.568.329
Chi phí thi công công trình	-	1.423.562.720
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	74.147.701	26.458.053
Bù trừ công nợ	611.307.230	5.497.435.732
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	5.523.893.785
<b>Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5</b>		
Chuyển tiền vốn lưu động	-	200.000.000
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình	172.531.022	730.346.921
Bù trừ công nợ	2.667.620.212	4.991.864.335
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	25.600.000.000	7.890.000.000
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	61.472.920	-
<b>Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La</b>		
Bù trừ công nợ	-	8.725.138.730
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	250.000.000	7.831.360.721
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</b>		
Chi phí mua vật tư, ca máy, sửa chữa thiết bị	-	6.494.800
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)</b>		
Bù trừ công nợ	-	7.144.280
Chi phí mua vật tư	5.736.364	-
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</b>		
Chi phí mua vật tư, ca máy	-	586.093.630
<b>Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6</b>		
Mua vật tư	-	586.093.630
Bù trừ công nợ	-	246.027.505

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Thu tiền cung cấp vật tư	-	80.000.000
Bù trừ công nợ	655.142.803	-
<b>Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Chi phí bảo hộ lao động	-	24.420.000
Thu tiền cung cấp vật tư	-	789.108.629
Bù trừ công nợ	-	326.862.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến</b>		
Phải trả tiền tạm ứng thi công	-	10.195.138.730
Thanh toán tiền	-	2.000.000.000
Bù trừ công nợ	-	8.195.138.730
Tiền mượn	-	2.800.000.000
Trả tiền mượn	2.800.000.000	-

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.5a, V.15a, V.16 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

**2. Thay đổi ước tính kế toán**

Trong năm Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình một số tài sản cố định. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay tăng 1.492.831.816 VND.

**3. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: hoạt động xây lắp.
- Lĩnh vực 2: sản xuất điện thương phẩm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.716.091.833	114.397.590.586	172.113.682.419
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>57.716.091.833</b>	<b>114.397.590.586</b>	<b>172.113.682.419</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.960.968.375)	58.467.626.914	56.506.658.539
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			56.506.658.539
Doanh thu hoạt động tài chính			755.233.421
Chi phí tài chính			(71.733.044.058)
Thu nhập khác			1.721.428.858
Chi phí khác			(2.479.861.907)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(24.587.431)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(15.254.172.578)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.035.076.187</b>	<b>16.153.776.115</b>	<b>20.188.852.302</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9.358.348.358</b>	<b>34.441.666.758</b>	<b>43.800.015.116</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.146.441.168	122.796.574.523	203.943.015.691
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>81.146.441.168</b>	<b>122.796.574.523</b>	<b>203.943.015.691</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(7.718.724.480)	78.771.492.569	71.052.768.089
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			71.052.768.089
Doanh thu hoạt động tài chính			201.049.340
Chi phí tài chính			(83.175.471.873)
Thu nhập khác			467.272.728
Chi phí khác			(1.518.733.516)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(24.587.431)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(12.997.702.663)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>113.703.235</b>	<b>31.154.906.240</b>	<b>31.268.609.475</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>15.547.311.132</b>	<b>31.063.848.627</b>	<b>46.611.159.759</b>

### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	709.530.487.266	670.688.380.827	1.380.218.868.093
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	525.181.355
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.380.744.049.448</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	822.164.089.376	442.459.959.979	1.264.624.049.355
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>1.264.624.049.355</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	692.738.340.733	717.751.883.496	1.410.490.224.229
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	549.768.786
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.411.039.993.015</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	843.345.283.137	435.950.099.485	1.279.295.382.622
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>1.279.295.382.622</b>

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Phần lớn hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.



### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.427.932.371	-	-	4.427.932.371
Phải thu khách hàng	331.858.159.081	-	4.904.122.526	336.762.281.607
Các khoản phải thu khác	19.303.295.247	30.177.490.971	4.281.144.075	53.761.930.293
<b>Cộng</b>	<b><u>355.589.386.699</u></b>	<b><u>30.177.490.971</u></b>	<b><u>9.185.266.601</u></b>	<b><u>394.952.144.271</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.466.946.178	-	-	3.466.946.178
Phải thu khách hàng	352.053.476.896	358.685.000	4.904.122.526	357.316.284.422
Các khoản phải thu khác	26.012.629.780	15.971.510.204	4.437.170.126	46.421.310.110
<b>Cộng</b>	<b><u>381.533.052.854</u></b>	<b><u>16.330.195.204</u></b>	<b><u>9.341.292.652</u></b>	<b><u>407.204.540.710</u></b>

#### **4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	200.024.749.916	-	-	200.024.749.916
Vay và nợ	619.739.363.850	197.000.000.000	173.000.718.803	989.740.082.653
Các khoản phải trả khác	55.204.961.597	-	-	55.204.961.597
<b>Cộng</b>	<b><u>874.969.075.363</u></b>	<b><u>197.000.000.000</u></b>	<b><u>173.000.718.803</u></b>	<b><u>1.244.969.794.166</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	203.849.458.038	-	-	203.849.458.038
Vay và nợ	607.990.877.392	164.000.000.000	226.000.718.803	997.991.596.195
Các khoản phải trả khác	51.960.781.905	-	-	51.960.781.905
<b>Cộng</b>	<b>863.801.117.335</b>	<b>164.000.000.000</b>	<b>226.000.718.803</b>	<b>1.253.801.836.138</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ từ trung bình đến cao. Công ty chưa sắp xếp được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### 4d. *Tài sản đảm bảo*

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty thế chấp quyền thu nợ từ các khoản phải thu có giá trị là 41.098.000.000 VND.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### 5. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

##### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.427.932.371	-	3.466.946.178	-
Phải thu khách hàng	336.762.281.607	(4.904.122.526)	357.316.284.422	(4.904.122.526)
Các khoản phải thu khác	53.761.930.293	(4.281.144.075)	46.421.310.110	(4.437.170.126)
<b>Cộng</b>	<b>394.952.144.271</b>	<b>(9.185.266.601)</b>	<b>407.204.540.710</b>	<b>(9.341.292.652)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	200.024.749.916	203.849.458.038
Vay và nợ	989.740.082.653	997.991.596.195
Các khoản phải trả khác	55.204.961.597	51.960.781.905
<b>Cộng</b>	<b><u>1.244.969.794.166</u></b>	<b><u>1.253.801.836.138</u></b>

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### **6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 200.767.658.292 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty mẹ.

Tuy nhiên, Tổng Công ty Sông Đà – CTCP và các công ty khác trong cùng Tổng công ty cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật, không yêu cầu Công ty mẹ hoàn trả tiền nợ cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Công ty cũng đang tích cực thỏa thuận với Ngân hàng thương mại để khoan nợ, xóa lãi quá hạn và giảm lãi trong hạn. Ngoài ra, từ cuối năm 2018, Tổng công ty bắt đầu triển khai dự án Thủy điện Ngọc Tem. Công ty đánh giá với dự án mới này, Tổng công ty sẽ cải thiện được tình hình tài chính do thành công từ dự án như Công ty đã từng đạt được với dự án Thủy điện Đak Lô. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty mẹ hoạt động kinh doanh liên tục.

#### **7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **8. Thông tin khác**

Theo Biên bản của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành V ngày 15/8/2016 về hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án Xây dựng công trình thủy điện Đồng Nai 5, một phần doanh thu Công ty đã ghi nhận trong các năm trước đối với dự án Thủy điện Đồng Nai 5 chưa đủ điều kiện thanh, quyết toán với số tiền khoảng 41 tỷ đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và chủ đầu tư vẫn đang tích cực khắc phục các thiếu sót theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước để đủ điều kiện thanh, quyết toán các khoản chi phí nêu trên.

Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2020



**Phạm Hồng Trung**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Hình**  
Kế toán trưởng



**Vũ Dũng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3**

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(138.443.763.709)	2.727.260.079	147.539.806.480
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(13.369.689.700)	371.987.036	(12.997.702.664)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(3.085.405.611)	(32.087.812)	(3.117.493.423)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(514.640.000)	(514.640.000)
Góp vốn điều lệ trong năm	-	-	-	-	514.640.000	514.640.000
Điều chỉnh khác	-	-	-	320.000.000	-	320.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	1.528	(1.528)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>159.993.560.000</b>	<b>100.029.499.600</b>	<b>23.233.250.510</b>	<b>(154.578.857.492)</b>	<b>3.067.157.775</b>	<b>131.744.610.393</b>
Số dư đầu năm nay	159.993.560.000	100.029.499.600	23.233.250.510	(154.578.857.492)	3.067.157.775	131.744.610.393
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(15.461.019.774)	206.847.196	(15.254.172.578)
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(370.437.722)	(370.437.722)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>159.993.560.000</b>	<b>100.029.499.600</b>	<b>23.233.250.510</b>	<b>(170.039.877.266)</b>	<b>2.903.567.249</b>	<b>116.120.000.093</b>

Đơn vị tính: VND

Gia Lai, ngày 25 tháng 3 năm 2020



*(Handwritten signature)*

**Phạm Hồng Trung**  
 Người lập biểu

*(Handwritten signature)*

**Vũ Dũng**  
 Giám đốc

